TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản sán số: 08/2018/HSST
Ngày 09 tháng 3 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Nguyễn Văn Bắc

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung- Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Nam- Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09 /2018/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh ngày 21/8/1966; trú tại: thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 09/10; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1938 và bà Trần Thị C, sinh năm 1933; vợ: Phùng Thị L, sinh năm 1970; có 02 con: lớn sinh 1990, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2017 đến ngày 12/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

2.Nguyễn Thế A, sinh ngày 25/9/1990; trú tại: thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 và bà Phùng Văn L, sinh năm 1970; vợ: Phan Thị T, sinh năm 1992; có 02 con lớn sinh năm 2016, con nhỏ 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2017 đến ngày 12/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

-Người bị hại:

1.Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng H; Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Q, huyện M, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hùng C- Chỉ tịch Hội đồng quản trị; Địa chỉ: số 63, khu chung cư B, phường K, TP V, tỉnh Vĩnh Phúc; Đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Phương Ngọc D , sinh năm 1976; Trú tại: thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt)

2. Công ty TNHH thép B; Địa chỉ: số 148-P, phường 7, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: ông Cao Cảnh T - Giám đốc; Địa chỉ: B22 biệt thự nhà vườn, T, quận T, thành phố Hà Nội; Đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1985; Trú tại: khu 4, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Công ty TNHH may mặc xuất khẩu V, địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện S; Đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn Đ- tổng Giám đốc, (vắng mặt). Địa chỉ: Khu công nghiệp Q, huyện M, thành phố Hà Nội.

2.Chị Phan Thị T, sinh năm 1992, (vắng mặt); Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 26/9/2017, Nguyễn Văn N đi bộ đến gần khu vực bờ rào chưa xây của Công ty TNHH may mặc xuất khẩu V, địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện S, cách nhà N khoảng 100m. N nhìn thấy tại khu vực giáp tường bên trong phân xưởng đang xây dựng của Công ty có mấy tấm Tôn kích thước 9,74m x 1,06m x 0,40mm, chuyên dùng để lợp mái xưởng, là tài sản của Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng H, địa chỉ: khu Công nghiệp Q, huyện M, thành phố Hà Nội là đơn vị đang thi công cho công ty V . N đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Do một mình không thể khuôn vác được nên N liền đi ra phía đường 306 thấy Triệu Quang V ở cùng thôn, N gọi V: *"Lại ông nhờ tý "*. V hỏi: *"Có việc gì thế ông"*. N đi lại nói với V: *"Khênh hộ ông mấy tấm Tôn"*. V nghĩ đây là tôn của N nên đồng ý khênh giúp và N gọi con trai là Nguyễn Thế A đang đứng ở trước cửa quán kinh doanh nhôm kính của A: *"mày đi lôi đỡ bố mấy tấm Tôn"*. A hỏi: *" Tôn ở đâu"*. N nói: *"Mua của mấy tay bảo vệ công ty"*. A đồng ý và dùng xe máy BKS 29Y7- 13148 kéo theo chiếc xe lôi chuyên dụng trở nhôm kính đi cùng Vụ đi theo đoạn đường qua cổng nhà N. Khi đi đến trước lối vào khu vực đang thi công, N nói nhỏ với A: *"tao rặn mấy thằng bảo vệ rồi, tối đừng ra đây nữa để tao lấy mấy tấm tôn"*. Ý N nói với A là không có bảo vệ, N sẽ trộm cắp mấy tấm Tôn và A sẽ yên tâm khi trộm cắp tài sản. A hiểu ý của N và đồng ý. Lúc này V đứng cách Ninh khoảng 3 - 4m nên không nghe thấy việc N và A trao đổi với nhau. Sau đó N, A, V đi vào trong công ty đến khu xưởng 2 đang thi công, cả ba khênh lần lượt 08 tấm tôn dựa tường nhà xưởng 2 cho lên xe lôi. A lấy dây buộc chặt các tấm Tôn vào xe lôi. Lấy Tôn xong, N nhìn thấy khoảng 12 cây sắt các loại phi 6, 8, 12, mỗi thanh dài khoảng 5 đến 6m là tài sản của công ty TNHH Thép B, địa chỉ: số 148, P, Phường 7, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị cung cấp, lắp đặt nhà xưởng cho công ty V. N liền quay vào tiếp tục vào trộm cắp số sắt này. A thấy N vào kéo sắt thấy nặng nên đã quay

vào cùng N trộm cắp toàn bộ số sắt này cho lên xe lôi. Sau khi lấy số tài sản trên A điều khiển xe lôi trở về phía sau quán kinh doanh nhôm kính của mình, N và V đi phía sau. Sau đó chuyển số sắt xuống hành lang sát phía sau quán của A . A trèo lên mái tôn còn N đỡ tôn đẩy lên cho A. Thấy N khênh nặng V cũng giúp N đẩy số tôn lên. N và A cất dấu số tôn lên trên mái phía sau quán xong thì về nhà. Ngày 27/09/2017, N dùng kìm cắt số sắt trộm cắp được thành nhiều đoạn cất vào gầm giường quán kinh doanh của A.

Quá trình điều tra, xác minh đến ngày 29/9/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô đã thu giữ tại quán kinh doanh nhôm kính của Nguyễn Thế A được 08 tấm tôn lợp mái, mỗi tấm có kích thước 9,74m x 1,06m x 0,40mm và 40 đoạn sắt các loại phi 6, 8, 12 có tổng trọng lượng 29,28kg tại cửa hàng kinh doanh nhôm kính của Nguyễn Thế A và thu giữ chiếc kìm cộng lực mà N dùng để cắt số sắt trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 54 ngày 10/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sông Lô kết luận tổng trị giá của 08 tấm Tôn trên có trị giá 6.607.616đ và 40 đoạn sắt các loại phi 6,8,12 có tổng trọng lượng 29,28kg trị giá 420.384đ. Tổng trị giá tài sản là 7.028.000đ.

Đối với Triệu Quang V là người giúp N khênh 08 tấm tôn. Tuy nhiên, trước, trong và sau khi N trộm cắp Tôn. N không nói, không bàn bạc với V về việc trộm cắp tài sản. Bản thân V không biết việc N, A có hành vi trộm cắp tài sản nên đã khênh hộ N 08 tấm Tôn nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý về hình sự.

Vật chứng vụ án thu giữ:

08 tấm Tôn có kích thước 9,74m x 1,06m x 0,40mm và 40 thanh sắt các loại phi 6, 8, 12 có trọng lượng 29,28 kg. Ngày 04/12/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô đã trả lại các tài sản trên cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hữu Nghị và Công ty TNHH thép B.

01 chiếc kìm cộng lực đã cũ thu giữ Nguyễn Thế A, là công cụ N sử dụng để cắt các thanh sắt sau khi trộm cắp được.

01 chiếc xe lôi, 01 chiếc xe mô tô BKS 29Y7 - 13148 cùng 01 đăng ký xe. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Phan Thị T, chị T không bàn bạc, không biết việc N và A sử dụng phương tiện này để đi trộm cắp tài sản. Do đó cần trả lại các tài sản này cho chị T.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng H là ông Nguyễn Phương Ngọc D; Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH thép B là ông Nguyễn Tiến D và đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH may mặc xuất khẩu V ông Lê Văn Đ không yêu cầu N và A phải bồi thường gì. Do đó về trách nhiệm dân sự của vụ án không đặt ra để giải quyết.

Qúa trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế A thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 10/KSĐT- TA ngày 08 tháng 02 năm 2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế A về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế A. Giữ nguyên quyết định tuy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Thế An.

Xử phạt: Bị cáo N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng đến 03 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo A từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kìm cộng lực thu giữ của Nguyễn Thế A do không còn giá trị sử dụng. Trả lại 01 chiếc xe lôi, 01 chiếc xe mô tô BKS 29Y7- 13148 cùng đăng ký xe cho chị Phan Thị T.

Xác nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô đã trả lại 08 tấm Tôn cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng H và 40 đoạn sắt có trọng lượng 29,28 kg cho Công ty TNHH thép B là đúng chủ sở hữu. (Các vật chứng trên có đặc điểm như biên bản thu giữ)

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Xuất phát từ động cơ mục đích tư lợi cá nhân, khoảng 18 giờ ngày 26/9/2017, tại thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn N và Nguyễn Thế A đã vào khu vực đang xây dựng của Công ty TNHH may mặc xuất khẩu V trộm cắp 08 tấm Tôn có trị giá 6.607.616đ là tài sản của Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng H và trộm cắp 29,8 kg sắt các loại phi 6, 8, 12 có trị giá 420.384đ là tài sản của Công ty TNHH thép B. Tổng trị giá tài sản mà N và A trộm cắp là 7.028.000đ

Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai, bản kiểm điểm, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập theo trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội nêu trên của Nguyễn Văn N và Nguyễn Thế A đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017. Tuy nhiên căn cứ khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 thì phải xét xử các bị cáo trên về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".*

Do đó bản cáo trạng số: 10/KSĐT-KT, ngày 08/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế A về tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các bị can trong vụ án: Nguyễn Văn N là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Nguyễn Thế Acùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm là người thực hành.

Xét về nhân thân của các bị cáo cũng như các tình tiết xem xét giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo N, bị cáo A có nhân thân tốt, quá

trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, giá trị tài sản trộm cắp không lớn và đã trả cho người bị hại, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bố bị cáo N và là ông nội của bị cáo A là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo N, bị cáo A là bố con và có nơi cư trú ổn định nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo. Do vậy mở lượng khoan hồng của pháp luật xử cho cho các bị cáo được hưởng án treo và phải chịu một thời gian thử thách theo quy định của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng H là ông Nguyễn Phương Ngọc D và Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH thép B là ông Nguyễn Tiến D và đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH may mặc xuất khẩu V ông Lê Văn Đ không yêu cầu bị cáo N và bị cáo A phải bồi thường gì. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kìm cộng lực không có giá trị sử dụng. Trả lại 01 chiếc xe lôi, 01 chiếc xe mô tô BKS 29Y7- 13148 cùng đăng ký xe cho chị Phan Thị T (các vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô với Chi cục thi hành án huyện Sông Lô).

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế A phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế A.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế A 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế A cho Uỷ ban nhân dân xã Đồng Thịnh, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian

thử thách và người đượcc hưởng án treo nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kìm cộng lực. Trả lại 01 chiếc xe lôi, 01 chiếc xe mô tô BKS 29Y7- 13148 cùng đăng ký xe cho chị Phan Thị T (các vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô với Chi cục thi hành án huyện Sông Lô).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án. Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm .

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông lô;
-Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Chi cục Thi hành án huyện Sông Lô;
-Công an huyện Sông Lô;
-Uỷ ban nhân dân xã Đồng Thịnh ;
-Bị cáo;
-Người bị hại;
-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
-Lưu: hồ sơ, án văn..